

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu đối với một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Xét đề nghị của Sở Nông Nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu đối với một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện các quy định tại Điều 1 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Kho bạc nhà nước thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Bộ: NN&MT, Tư pháp;
- Thường trực TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các Sở, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, ĐBQH và HĐND TP;
- VPUB: CVP, các PCV, KT, NN&MT, TH;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- UBND cấp xã;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội sau đây:

- Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố;
- Bảo vệ và phát triển rừng;
- Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã;
- Duy tu, bảo dưỡng đê điều;
- Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi;
- Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước
- Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp;
- Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
- Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình;
- Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản;
- Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống gà mía 01 ngày tuổi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản

phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp sản phẩm, dịch vụ.
- Tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước; các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

CHƯƠNG II.

QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Điều 3. Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng

Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn trích dẫn tại Quy định kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Đánh giá, kiểm định chất lượng

1. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo các quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ phải tự đánh giá chất lượng dịch vụ trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ.

2. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng các dịch vụ, các cơ quan được giao quản lý thực hiện nhiệm vụ yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ công.

3. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá, chủ đầu tư muốn kiểm định chất lượng dịch vụ sẽ tiến hành thuê các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định thực hiện kiểm định chất lượng sản phẩm, dịch vụ công (nếu cần). Kinh phí thực hiện kiểm định được chi từ kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG III. QUY CHẾ KIỂM TRA, NGHIỆM THU DỊCH VỤ

Điều 5. Mục đích kiểm tra, nghiệm thu

1. Đảm bảo việc chấp hành quyết định phê duyệt nội dung và dự toán nhiệm vụ, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện dịch vụ.

2. Phát hiện những sai sót, vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để kịp thời xử lý, khắc phục hoặc loại bỏ các sản phẩm không đảm bảo chất lượng.

3. Xác nhận kết quả thực hiện, xác định giá trị thanh toán của từng hạng mục công việc theo niên độ hoặc toàn bộ dịch vụ làm căn cứ quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ hoàn thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc kiểm tra, nghiệm thu

1. Việc kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ phải được thực hiện thường xuyên trong quá trình thực hiện; kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu phải được lập trên cơ sở tiến độ thực hiện dịch vụ.

2. Đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện dịch vụ phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng, sản phẩm, xác định giá trị đề nghị thanh toán của từng hạng mục công việc của dịch vụ do đơn vị mình và đơn vị phối hợp thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và pháp luật của nhà nước về kết quả thực hiện dịch vụ.

3. Chi phí kiểm tra, nghiệm thu được sử dụng, thanh toán và quyết toán theo chế độ hiện hành của nhà nước về quản lý tài chính.

Điều 7. Căn cứ để kiểm tra, nghiệm thu

1. Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán dịch vụ của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp và các quy định hiện hành.

2. Quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản có liên quan.

3. Tài liệu, hồ sơ, sản phẩm liên quan đến việc thực hiện dịch vụ.

Điều 8. Công tác kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra về kế hoạch, tiến độ kết quả thực hiện dịch vụ theo nội dung và dự toán đã phê duyệt.

b) Kiểm tra tính hợp pháp, mức độ phù hợp với quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện dịch vụ tự kiểm tra 100% khối lượng, chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện từng hạng mục công việc; các khoản chi liên quan đến dịch vụ. Căn cứ kế hoạch và tiến độ thực hiện dịch vụ, đơn vị chủ trì chủ động thực hiện kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc tổ chức thực hiện dịch vụ theo trách nhiệm của mình.

3. Kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập kế hoạch kiểm tra theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện kiểm tra một phần theo chuyên đề hoặc toàn bộ nội dung dịch vụ tùy theo mục đích kiểm tra cụ thể của từng trường hợp.

4. Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra của đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện dịch vụ là kết quả của hoạt động kiểm tra và là một trong những căn cứ để thực hiện nghiệm thu dịch vụ.

Điều 9. Công tác nghiệm thu

Căn cứ kế hoạch /hợp đồng/ quyết định giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, cơ quan, đơn vị nghiệm thu quyết định nội dung nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu và thời gian tổ chức nghiệm thu đảm bảo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách và các văn bản liên quan.

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở; chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm do đơn vị mình và đơn vị phối hợp thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kết quả cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Tùy theo tính chất, quy mô của nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phương pháp, hình thức nghiệm thu; kiểm tra chứng từ liên quan đảm bảo việc chi tiêu theo dự toán và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước. Biên bản nghiệm thu là một trong những căn cứ pháp lý để đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ.

3. Trường hợp thành lập Hội đồng nghiệm thu, Thủ trưởng cơ quan nghiệm thu ra quyết định thành lập, Lãnh đạo cơ quan nghiệm thu làm Chủ tịch Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị nghiệm thu kết quả nghiệm thu và các kiến nghị có liên quan đến nhiệm vụ được nghiệm thu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng cơ quan nghiệm thu về sự đúng đắn, khách quan của những kết quả nghiệm thu. Các ủy viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu và Thủ trưởng đơn vị nghiệm thu về kết quả nghiệm thu được phân công.

Điều 10. Trách nhiệm lưu trữ hồ sơ nghiệm thu

1. Cơ quan quản lý có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ hồ sơ nghiệm thu cấp quản lý, hồ sơ thẩm định nhiệm vụ hoàn thành các dịch vụ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ nghiệm thu các cấp cùng hồ sơ quyết toán dịch vụ.

3. Nghiêm cấm việc giả mạo, làm sai lệch và thất lạc hồ sơ nghiệm thu dịch vụ.